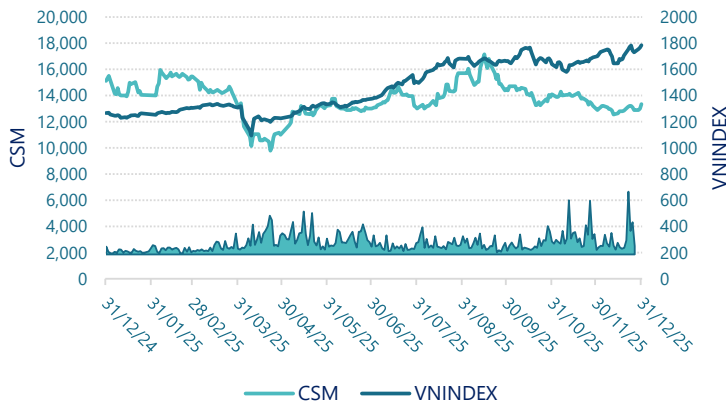




CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam (HSX: CSM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,786
SL cổ phiếu LH	103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	246,780
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,383
P/E	28.6
EPS	467

DT thuần

Q4/25

931

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.0| -9.4%

YoY: ▼261| -21.9%

LN sau thuế

Q4/25

-13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.8| -150%

YoY: ▼26.0| -203%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.7%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2025

4,086

tỷ VNĐ

YoY: ▼626| -13.3%

LN sau thuế

2025

48.4

tỷ VNĐ

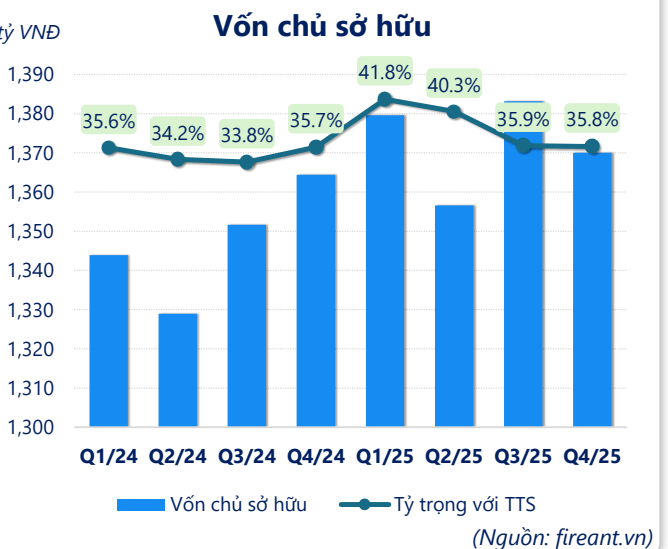
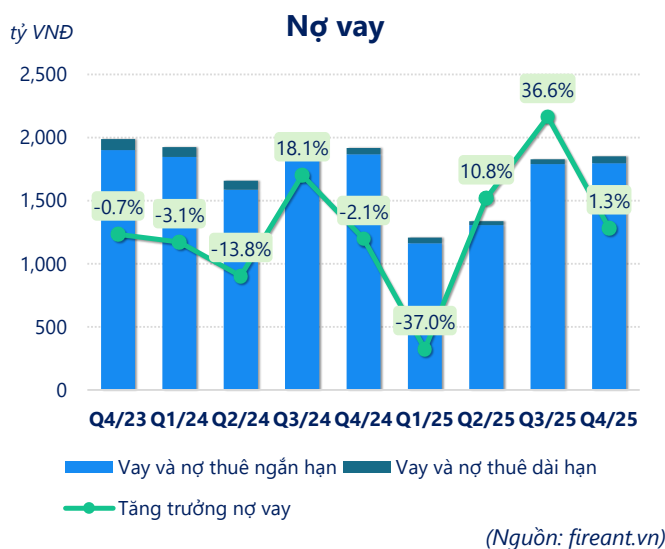
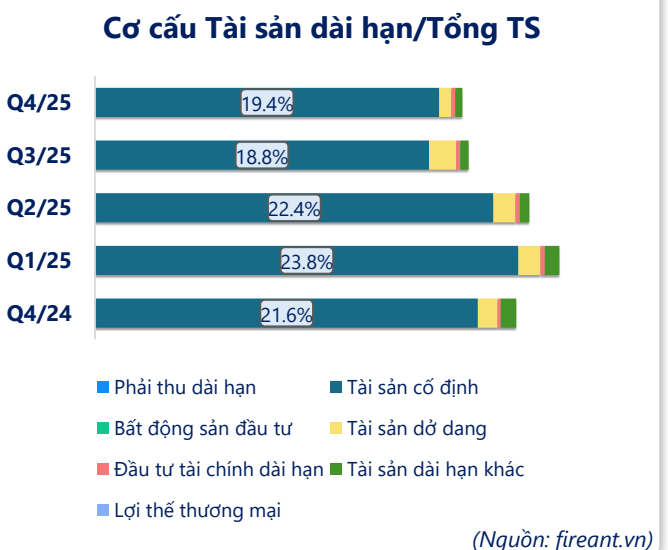
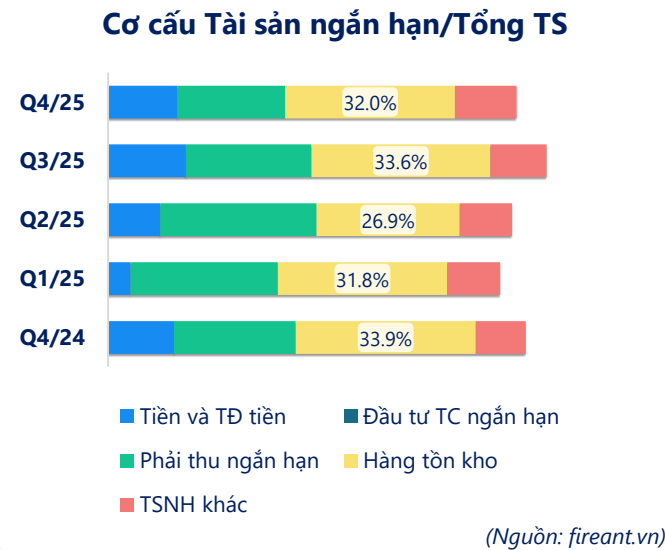
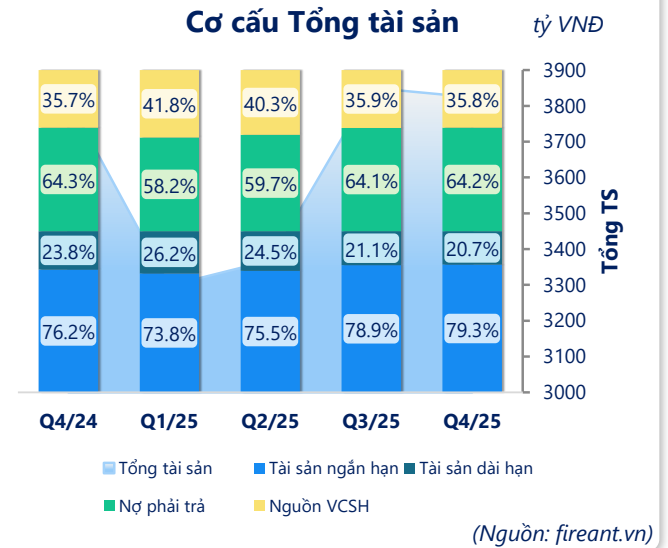
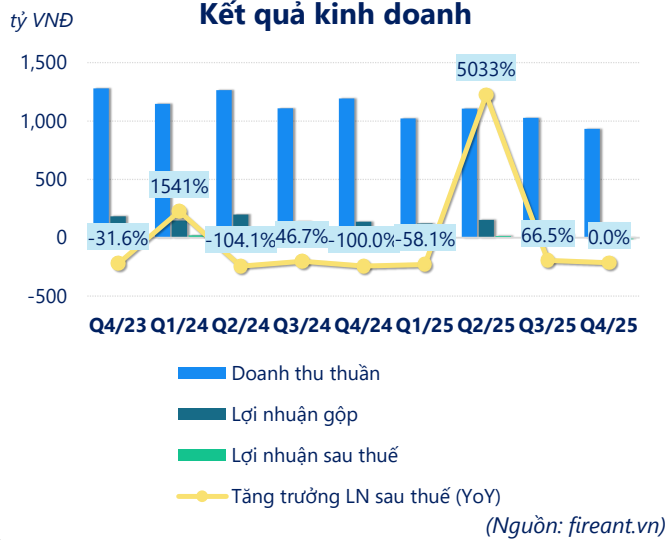
YoY: ▼23.7| -32.9%

ROE

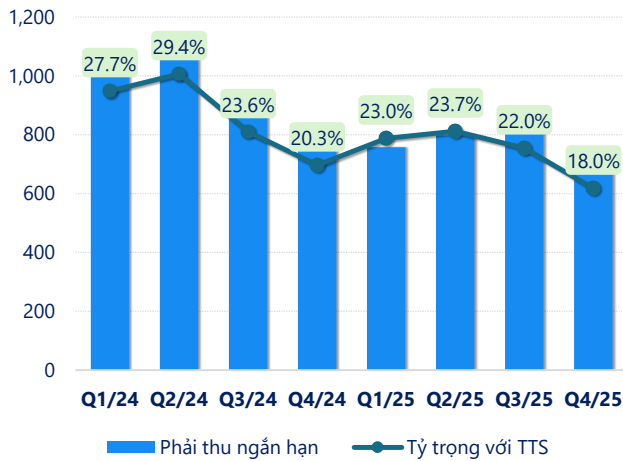
2025

3.5%

+/- YoY: ▼ 1.8%

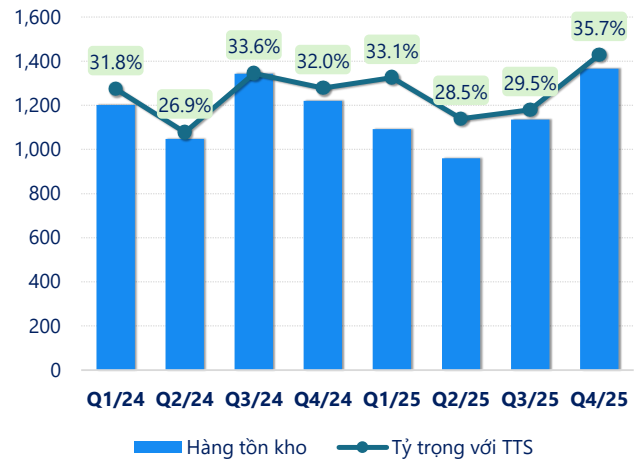


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


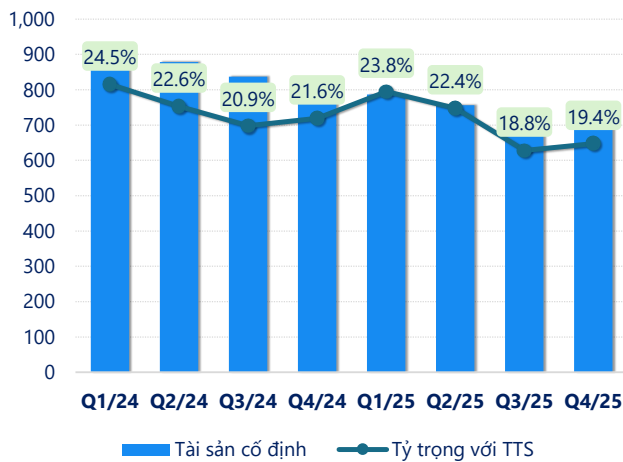
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


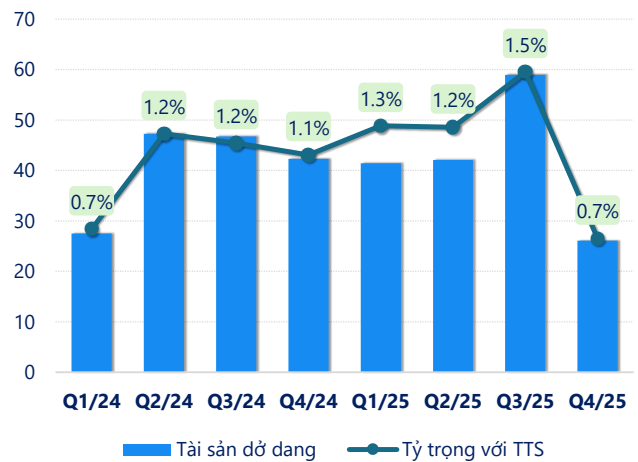
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

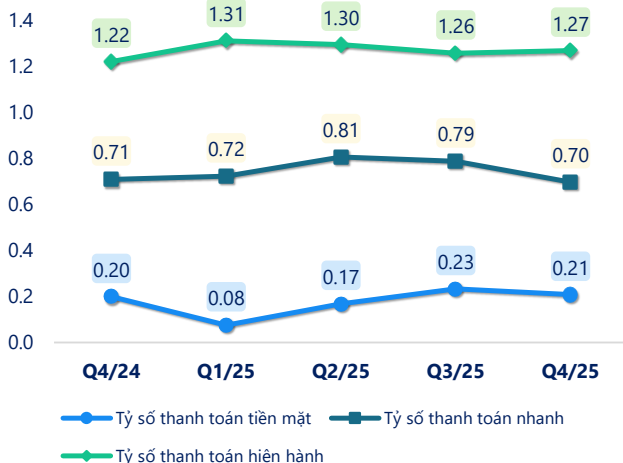
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

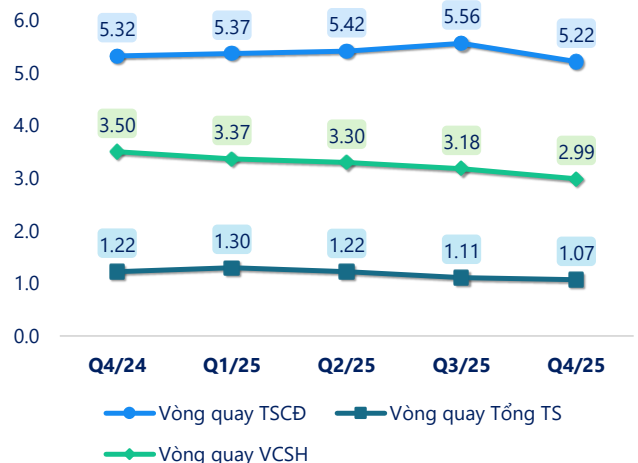
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,818	3,298	3,369	3,850	3,824
Tài sản ngắn hạn	2,910	2,433	2,543	3,039	3,031
Tiền và tương đương tiền	473	140	331	564	497
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	298
Phải thu ngắn hạn	775	757	797	847	689
Hàng tồn kho	1,220	1,092	960	1,135	1,366
Tài sản ngắn hạn khác	441	444	455	493	182
Tài sản dài hạn	907	864	825	812	793
Phải thu dài hạn	0.99	0.99	0.99	0.04	0.04
Tài sản cố định	824	786	756	726	743
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	42.3	41.4	42.1	59.0	26.1
Đầu tư tài chính dài hạn	6.99	8.14	8.69	8.69	8.69
Tài sản dài hạn khác	33.3	27.3	17.7	18.2	15.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,453	1,918	2,012	2,467	2,454
Nợ ngắn hạn	2,383	1,856	1,964	2,418	2,388
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,868	1,163	1,307	1,789	1,796
Phải trả người bán ngắn hạn	265	452	343	277	263
Nợ dài hạn	70.4	62.4	48.5	49.8	65.9
Vay và nợ thuê dài hạn	48.7	44.6	30.7	37.8	54.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,364	1,380	1,357	1,383	1,370
Vốn chủ sở hữu	1,364	1,380	1,357	1,383	1,370
Vốn điều lệ	1,036	1,036	1,036	1,036	1,036
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)